

**HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN
MÔN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**ĐỀ TÀI:
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC
DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC
HIỆN NHỮNG NĂM 1946-1950. TRONG THỜI KỲ HIỆN
NAY, Ý THỨC GÌ VỀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ THỰC TIỄN
CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRÊN**

Giảng viên hướng dẫn: BÙI THỊ HỒNG THÚY

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN THẢO NHI

Mã sinh viên: 23A4030272

Nhóm tín chỉ: PLT10A_19

Mã đề: 09

Hà Nội, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
2.1. Mục đích nghiên cứu	2
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
3.2. Đối tượng nghiên cứu:	2
3.3. Phạm vi nghiên cứu:	2
4 . Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	3
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	3
NỘI DUNG.....	3
I. Phần lý luận.....	3
1.1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng năm 1946 - 1947 được thể hiện qua các Chỉ thị, Nghị quyết3	
1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử	3
1.1.2. Quá trình hình thành và nội dung của đường lối kháng chiến 5	
1.1.2.1. Quá trình hình thành.....	5
1.1.2.2. Nội dung đường lối cuộc kháng chiến	6
1.2. Quá trình tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến những năm 1947-1950.....	7
II. Phần Liên hệ và thực tiễn	9
2.1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược những năm 1946-1950	9
2.1.1. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947.....	9
2.1.2. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Biên giới Thu – Đông năm 1950. 10	
2.1.3. Tổng kết ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp giải đoạn 1946-1950.....	11
2.2. Giá trị thực tiễn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946-1950.....	12
KẾT LUẬN	13
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	14

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chắc hẳn ai trong chúng ta ở đây đều muốn được sống trong một thế giới hòa bình, không có chiến tranh. Dù có như nào đi nữa, chiến tranh luôn phản ánh mâu thuẫn và không thể nào điều hòa giữa hai phía và nó là hình thức tàn khốc nhất để giải quyết mâu thuẫn. Trong mỗi cuộc chiến tranh, đều tiềm ẩn các khả năng kết thúc chiến tranh, nhanh hay chậm tùy thuộc vào ý chí, khả năng và nhân thức của những bên liên quan. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1950) của nhân dân Việt Nam ta được xem là một ví dụ.

Xuyên suốt những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1950) thì Việt Nam ta vẫn luôn nỗ lực thực hiện các phương án hòa bình nhằm đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và nhanh chóng kết thúc nó. Chủ trương này thực hiện các phương án của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược chính là cố gắng tận dụng thời cơ thực hiện hiệu quả các khả năng có lợi đối với cuộc kháng chiến và được xét trên nhiều phương diện. Dù là ở hình thức đấu tranh nào đi nữa thì tìm kiếm hòa bình luôn là đích hướng tới của mọi người, cũng là mục đích của từng quốc gia – dân tộc. Lịch sử dân tộc Việt Nam luôn là dựng nước và giữ nước.

Trên thế giới, Việt Nam là trong số ít những nước phải liên tục chống đỡ từ quân xâm lược, độ hộ của ngoại bang có sức mạnh hơn gấp nhiều lần nước ta. Bởi vậy nhân dân ta hiểu rõ hơn hết sự khốc liệt của chiến tranh và giá trị hòa bình, độc lập. Nên là đề tài này giúp cho chúng ta hiểu rõ về quá trình hình thành đường lối của Đảng, nó đã giúp chúng ta đánh đuổi thực dân Pháp cũng như đặt một nền móng quan trọng cho nền quân sự và kết hợp đấu tranh ngoại giao cũng như làm rõ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực. Từ đó làm cơ sở tham khảo, gợi mở cho hoạt động đối ngoại hiện nay; góp phần đấu tranh chống lại những quan điểm lệch lạc, xuyên tạc cùng bóp méo lịch sử,

cho rằng phía Việt Nam ta là người đi xâm lược hay chỉ muốn chiến tranh; khẳng định rõ được chủ trương, khát vọng hòa bình của nước ta.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài tập trung làm rõ đường lối của Đảng đã sử dụng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954-1960, đánh giá thắng lợi của việc thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, từ đó rút ra ý nghĩa lịch sử và giá trị thực tiễn của cuộc kháng chiến.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề án tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổng quan về cơ sở lý luận cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1950).
- Hệ thống hóa, làm rõ về cuộc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng năm 1946-1950.
- Tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử cũng như đúc kết giá trị thực tiễn từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946-1950.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài tập trung vào làm rõ đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp mà Đảng đã sử dụng trong giai đoạn năm 1945 – 1960 cũng như đáng giá thành quả từ việc thực hiện các chủ trương và đường lối của Đảng.

3.3. Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: Đề án nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những năm 1946-1950. Nội dung chủ yếu là: khả năng hòa bình, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Về không gian: Chủ yếu ở Việt Nam và một số nước có liên quan.
- Về thời gian: Bắt đầu từ cuối tháng 10/1946 đến 17/10/1950

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: quan điểm chủ nghĩa Mác – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh...
- Phương pháp nghiên cứu: lịch sử, logic, liên kê, phân tích và tổng hợp, thống kê,...

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Ý nghĩa lý luận: đề tài sẽ làm rõ cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng năm 1946-1950.
- Ý nghĩa thực tiễn: Qua đề tài trên thì chúng ta đã hiểu được giá trị thực tiễn to lớn, toàn diện về tư tưởng, lý luận, thực tiễn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946-1950. Đảng đã đưa ra những chủ trương và đường lối toàn diện cùng với củng cố hậu phương. Tăng thêm niềm tin vững mạnh của nhân dân đối với Đảng và nhà nước.

NỘI DUNG

I. Phần lý luận

1.1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng năm 1946 - 1947 được thể hiện qua các Chỉ thị, Nghị quyết

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

Cuối tháng 11/1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang chiếm đóng cả thành phố Hải Phòng, Lạng Sơn rồi đổ bộ lên Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công lên các vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Còn triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương.

Ngày 16 và 17/12/1946, thực dân Pháp còn tấn công, khiêu chiến và dùng đại bác tàn sát nhân dân ta ở Hà Nội đặc biệt là Yên Ninh và Hàng Bún.

Ngày 18/12/1946, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giao lại quyền kiểm soát thành phố cho chúng.

Đến ngày 19/12/1946, thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt. Qua đây Đảng nhận thấy bọn chúng muốn cướp nước ta một cách trắng trợn nên chúng ta chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa giành được.

Ngày 12/12/1946, Trung ương ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Ngày 18/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông thời bấy giờ đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do:

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! ...”

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện mệnh lệnh của Chính phủ, bắt

đầu từ 20 giờ ngày 19/12/1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Còn cuộc chiến đấu ở mặt trận Hà Nội là quyết liệt nhất, diễn ra liên tục trong suốt 60 ngày đêm khói lửa. Nhiều trận đánh ác liệt, giằng co, quyết tử, một mất một còn giữa ta và Pháp ở nhiều nơi như Hà Bắc Bộ phủ, nhà Bưu điện Bờ Hồ, sân bay Bạch Mai,... cho ta thấy tinh thần chiến đấu bất khuất, kiên cường “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của quân dân cả nước.

Đến ngày 17/2/1947, Trung đoàn Thủ đô và các lực lượng quân sự đã chủ động rút lui ra ngoài thành phố, lên chiến khu an toàn để củng cố, bảo toàn và phát triển lực lượng kháng chiến lâu dài...

1.1.2. Quá trình hình thành và nội dung của đường lối kháng chiến

1.1.2.1. Quá trình hình thành

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947 qua “Chỉ thị kháng chiến kiến quốc (25/11/1945)”, “Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ I (19/10/1946)”, “Chỉ thị công việc khẩn bách giờ (05/11/1946)” và cuối cùng là Đường lối kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và thể hiện tập trung qua ba văn kiện lớn lần lượt là: “Chỉ thị toàn dân kháng chiến (12/12/1946)”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (20/12/1946)”, Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” (1947). Nội dung cơ bản của đường lối là: dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

1.1.2.2. Nội dung đường lối cuộc kháng chiến

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”. Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có của nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu.

=> Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

1.2. Quá trình tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến những năm 1947-1950

Ngày 6/4/1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp.

Về quân sự, Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân, gồm cả ba lực lượng chủ lực lục quân, hải quân và không quân, hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc. Để đối phó với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.

Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, oanh liệt, đến ngày 21/12/1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, bắn chìm nhiều tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Đầu năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng 1 Trung tướng và 9 Thiếu tướng. Sự kiện đó là bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Từ năm 1948, tình hình quốc tế có những chuyển biến có lợi cho các lực lượng cách mạng và tác động tích cực đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đặc biệt, ngày 1/10/1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời. Nước Pháp liên tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn phức tạp nảy sinh nên chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Phát huy thắng lợi, Đảng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn diện để làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương “mở rộng mặt trận Lào-Miên”, thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu Việt-Miên-Lào để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu.

Tháng 11/1949, Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Xây dựng lực lượng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) được phát triển nhanh chóng và trưởng thành về mọi mặt. Trong 61 vùng tạm bị chiếm, Đảng chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh chiến tranh du kích để “biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta”

Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp. Địa bàn Nam Bộ, vốn là nơi địch thực hiện “chiến thuật mạng nhện”, xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc và đã gây cho ta nhiều khó khăn. Nhận thức được điều đó, Xứ ủy Nam Bộ đã kịp thời chỉ đạo khắc phục, đưa phong trào chiến tranh du kích ngày càng phát triển.

Từ cuối năm 1948 đầu năm 1949, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường phối hợp chiến đấu với quân, dân Lào, Campuchia và Trung Quốc.

Từ giữa năm 1949, tướng Revers (Rove) - Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa, khóa chặt biên giới Việt-Trung. Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt-Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới.

Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 trải dọc theo tuyến biên giới Việt-Trung từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không nghỉ trong suốt 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16/9 đến 17/10/1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”. Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

II. Phần Liên hệ và thực tiễn

2.1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược những năm 1946-1950

2.1.1. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947

Sau hơn hai tháng, cuộc chiến đấu giữa ta và địch đã kết thúc bằng cuộc rút chạy từ đại bộ phận của quân Pháp khỏi Việt Bắc vào ngày 19/12/1947.

Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 địch, đồng thời bắn rơi 16 máy bay cùng bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy trên nhiều phương tiện chiến tranh của phía địch. Cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam ta bảo toàn. Tinh thần binh lính Pháp hoang mang cùng dư luận Pháp đi về theo chiều

hướng phần nộ. Ở mặt khác thì bộ đội chủ lực của chúng ta trưởng thành sau cuộc kháng chiến dài.

Với chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược đã chuyển mình sang giai đoạn mới.

Sau thất bại ở Việt Bắc, quân đội Việt Nam ta đã buộc Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương của chúng, từ “đánh nhanh, thắng nhanh” chuyển sang “đánh lâu dài”, đổi sang thực hiện chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” và cũng giúp cho quân ta mở ra cho cuộc kháng chiến một giai đoạn mới. Đồng thời theo đó, lực lượng so sánh giữa Việt Nam ta và địch bắt đầu thay đổi theo chiều hướng có lợi cho quân dân ta. Từ đó, Cuộc thế chiến dần chuyển mình đi lên theo một bước tiến mới.

Phối hợp với cuộc chiến đấu ở Việt Bắc cùng sự thay đổi chính sách từ Pháp thì quân dân ta trên các chiến trường toàn quốc đã hoạt động một cách mạnh mẽ nhưng vẫn giữ sự bình tĩnh và kiềm chế, không để ra một kẽ hở nào cho địch tập trung lớn binh lực vào chiến trường chính của chúng ta. Nhân dân ta đã mở ra nhiều cuộc tập kích ở cả Hà Nội và Sài Gòn. Trừ chủ trương và chiến thắng thì chúng ta đã tăng cường thêm về lực lượng vũ trang nhân dân, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Qua đó, chúng ta học hỏi từ thắng lợi với chính sách, đường lối cùng sự chuyển mình của quân sự giúp chúng ta bước sang chiến dịch mới, đóng góp một phần quan trọng trong tương lai của nước ta.

2.1.2. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Biên giới Thu – Đông năm 1950.

Chiến dịch biên giới năm 1950 dựa theo chủ trương của Đảng đã làm quân Pháp trở nên hoảng loạn, phải rút chạy gấp, Đường số 4 đã được giải phóng vào ngày 22/10/1950. Phối hợp với mặt trận biên giới cùng chủ trương du kích tập kích thì quân ta đã hoạt động mạnh và tại đường số 12 buộc địch phải rút khỏi và chạy.

Sau hơn một tháng chiến đấu, chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi. Việt Nam ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 tên địch, giải phóng được một vùng biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng kéo tới Đình Lập với 35 vạn dân. Ngoài ra, còn chọc thủng “Hành lang Đông – Tây” của Pháp. Thế bao vây của địch cả trong lẫn ngoài đối với căn cứ của ta ở địa Việt Bắc bị phá vỡ tanh bành. Kế hoạch Rove của Pháp bị phá sản.

Với chiến thắng Biên giới, con đường liên lạc của nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông và mở đường cho chúng ta tiếp cận thế giới thế giới cũng như củng cố địa Việt Bắc. Từ đó, tạo đà thúc đẩy cho cuộc kháng chiến tiến lên.

Qua chiến thắng Biên giới Thu – Đông năm 1950, quân đội ta đã giành được thế chủ động ở trên chiến trường chính (Bắc Bộ) thu được nhiều chiến lợi phẩm từ chiến tranh như vũ khí, phương tiện chiến tranh. Đồng thời, quân dân ta cũng đã có được những thắng lợi điển hình. Từ đó, giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn và mở ra bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến.

2.1.3. Tổng kết ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp giải đoạn 1946-1950.

- Đối với dân tộc ta:
 - Làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trong giai đoạn 1946 – 1950.
 - Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện và tiền đề để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam.
 - Tăng thêm niềm tin vững mạnh của nhân dân đối với Đảng và nhà nước.
 - Tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam ở trên trường quốc tế.
 - Tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến sau đặt được thắng lợi.

- Đối với quốc tế:
 - Cổ vũ mạnh mẽ cho các phong trào giải phóng dân tộc trên toàn mặt trận thế giới, tăng cường lực lượng cho chủ nghĩa xác hội và cách mạng thế giới.
 - Cùng nhân dân các nước như Lào và Campuchia chống lại và đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở 3 nước Đông Dương.
 - Mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

2.2. Giá trị thực tiễn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946-1950

Thành tích của những năm 1947 – 1950 trên những mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế. Tất cả những thành tựu xây dựng này góp phần giúp Việt Nam tiến lên tiếp xúc giành những thắng lợi mới.

- Trên mặt trận chính trị: Qua các chủ trương và biện pháp, chính quyền dân chủ nhân dân từng bước được hoàn thiện, phát huy vai trò tổ chức, động viên toàn dân tham gia kháng chiến, kiến quốc. Tăng cường khối đoàn kết toàn dân, phá tan âm mưu chia rẽ “dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp.
- Trên mặt trận quân sự: Từ những chủ trương từ Đảng và Chính Phủ năm 1948 đến năm 1950, quân ta đã đẩy mạnh chiến tranh du kích, biến hậu phương thành tiền phương của ta, thay đổi từ du kích chiến tiến lên vận động chiến. Tạo điều kiện để huy động sức mạnh của toàn dân tham gia kháng chiến, trong đó lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Qua quá trình vừa chiến và xây dựng thì lực lượng vũ trang của ta có bước trưởng thành lớn về tổ chức, về chất lượng cũng như trình độ chính trị và quân sự.
- Trên mặt trận kinh tế: Chính phủ ra những chính sách giảm tô, hoàn nợ, xóa nợ, chia là ruộng đất công, tạm cấp ruộng đất vắng chủ, ruộng đất lấy

từ tay đế quốc phản động chia cho nông dân. Cùng với công nghiệp, chú trọng công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng. Còn thủ công nghiệp phát triển đã giúp ra tự túc được một phần thuốc men, vải và dụng cụ sản xuất cho nhân dân. Những thành tựu trên thể hiện việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm thực hiện tự cấp, tự túc, cải thiện đời sống cho nhân dân lao động, phá tan âm mưu “lấy chiến tranh, nuôi chiến tranh” của địch, tăng trưởng khối đoàn kết dân tộc.

- Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, y tế: Những thành tựu xây dựng văn hóa, giáo dục, y tế trong giai đoạn này đã nhằm tạo thêm sức mạnh toàn diện cho cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển và tiến lên giành những thắng lợi mới.

Hậu phương là một trong những nhân tố có vai trò quyết định đối với thắng lợi của chiến tranh. Lênin đã từng nói “muốn tiến hành cuộc chiến tranh một cách nghiêm chỉnh phải có một hậu phương tổ chức vững chắc”. Dựa vào quá trình hình và đường lối kháng chiến, ta thấy Đảng luôn quan tâm đến công tác xây dựng hậu phương về mọi mặt, đây cũng là thể hiện đường lối toàn dân, toàn diện của Đảng ta.

Sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, cuộc kháng chiến nhân dân ta đã có những bước phát triển mới. Nhờ đó, nhu cầu cung cấp về mặt nhân tài cùng nguồn lực vật chất cho tiền tuyến ngày càng cao hơn. Nên việc tiếp tục củng cố và phát triển thêm về hậu phương trong cuộc kháng chiến càng trở nên cấp bách.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu đề tài: “Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện những năm 1946-1950. Trong thời kỳ hiện nay, ý thức gì về giá trị lịch sử và thực tiễn của cuộc kháng chiến trên”. Ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu “Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện và tiền đề để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam. Tăng thêm niềm tin vững mạnh cùng

niềm tự hào dân tộc của nhân dân đối với Đảng và nhà nước. Tạo tiền đề cho các cuộc kháng chiến sau thắng lợi”. Với giá trị thực tiễn là “Tất cả những thành tựu xây dựng: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế góp phần giúp Việt Nam tiến lên tiếp xúc giành những thắng lợi mới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / Khoa Lý luận chính trị .- H. : Học viện Ngân hàng .- 175 tr.
2. Sách giáo khoa lịch sử 12 / Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.- 224 tr.
3. Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập / chủ biên: Giáo sư Trương Hữu Quýnh, Giáo sư Đinh Xuân Lâm, Phó giáo sư Lê Mậu Hãn.- 1177tr.
4. Bồi dưỡng học sinh giỏi Sử 12/ Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.-343tr.